TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2022/KDTM -PT
Ngày: 28/10/2022
V/v : Tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2022/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng xây dựng do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2022/QĐ-PT ngày 5 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Liên danh**

1. Công ty P; Trụ sở: xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Jung W.

2. Công ty H; Trụ sở: phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Tùng L. Người đại diện theo ủy quyền: Công ty P (Giấy uỷ quyền số 09/2018/UQ-PH ngày 16/4/2018)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thành Đ, ông Khuất Hữu Vũ T, bà Lục Thanh T, ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Lan H theo Giấy uỷ quyền số 24-3/2021/GUQ-P ngày 14/3/2021 và Giấy uỷ quyền ngày 15/3/2021. Vắng mặt bà T, những người đại diện khác đều có mặt.

Bị đơn: **Tổng công ty X**; Trụ sở: phường T, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam K – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Hồng H, ông Vũ Việt C, ông Trần Văn N, ông Nguyễn Minh Đ, ông Phạm Duy T, ông Đỗ Quý H, ông Hà Minh N (Theo giấy ủy quyền số 509/UQ-V ngày 29/3/2022 của Tổng giám đốc). Vắng mặt ông C, những người đại diện khác đều có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Thế V và bà Nguyễn Thị Thu H – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty E; Trụ sở: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình T, ông Phạm Anh C; vắng mặt.

- Công ty B; Trụ sở: phường X , quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/4/2012, Tổng công ty X (gọi tắt là Công ty X) và Liên danh Công ty P & Công ty H ký kết hợp đồng kinh tế số 0518/2012/HĐKT-XMVN về việc thi công xây dựng công trình, thuộc gói thầu số 20: "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0,000 M" (Sau đây gọi tắt là "Gói thầu số 20") thuộc dự án: Trung tâm điều hành và giao dịch V (Sau đây gọi tắt là "Dự Án"). Đính kèm theo Hợp Đồng là các Phụ lục 01 [Bảng tính giá đề nghị thanh toán]; Phụ lục 02 [Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp Đồng]; Phụ lục 03 [Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp Đồng]; Phụ lục 04 [Bảng xác định khối lượng phát sinh ngoài Hợp Đồng]; Phụ lục 05 [Kỹ thuật thi công, nghiệm thu công trình] và Phụ lục 06 [Biểu giá tổng hợp và giá chi tiết]. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, các bên đã thỏa thuận và ký kết thêm các Phụ lục 07, Phụ lục 08 và Phụ lục 09 (Hợp đồng số 0518/2012/HĐKT-XMVN nêu trên và các phụ lục của hợp đồng này sau đây gọi tắt là "Hợp Đồng"). Theo đó, (1) Tổng giá trị ban đầu của Hợp Đồng là 166.602.066.000 đồng; (2) Hợp Đồng này là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; (3) Tổng số lần thanh toán chia làm 08 lần cụ thể cho từng đợt thanh toán như được quy định trong Phụ lục 08 của Hợp Đồng.

Sau khi hoàn thành các phần công việc của mình theo đúng quy định của Hợp đồng, ngày 13/12/2013, đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà thầu tư vấn giám sát, đại diện nhà thầu và đại diện nhà thầu gói thầu số 21 đã ký kết Biên bản bàn giao mặt bằng thi công trong đó nêu rõ nội dung bàn giao mặt bằng thi công trình Trung tâm điều hành và giao dịch V tại Lô đất 10E6 cho nhà thầu gói thầu số 21 để triển khai thi công gói thầu số 21 "Thi công kết cấu phần thô nhà từ cao độ +0.00m đến cao độ +140m" dự án Trung tâm điều hành và giao dịch V.

Ngày 20/6/2014, tuân thủ theo đúng quy định của Hợp đồng và bộ quy trình giám sát, nghiệm thu Gói thầu số 20, Nguyên Đơn và Bị Đơn đã ký Biên Bản Nghiệm thu hoàn thành Gói thầu thi công số 20. Theo đó, các bên thống nhất đi đến kết luận sau:

(i) Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành gói thầu số 20: "thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ 0.00m";

(ii) Nhà thầu thực hiện trách nhiệm bảo hành gói thầu theo quy định của Hợp Đồng;

(iii) Yêu cầu Nhà thầu hoàn thành các công việc còn tồn tại của gói thầu như phụ lục 01 đính kèm Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Gói Thầu Thi Công Số 20 này.

Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tế thi công, bên cạnh việc thực hiện các hạng mục của Gói thầu số 20, Nhà Thầu còn đảm nhiệm một phần công việc của Gói thầu số 19. Đối với gói thầu này, Nguyên Đơn đã thi công các hạng mục trong gói thầu số 19 với tất cả trách nhiệm và nỗ lực tốt nhất của mình. Chủ đầu tư, Nhà thầu của gói thầu số 19 (Công ty E) và Nguyên Đơn cũng đã có sự thống nhất giá trị thanh toán cho phần công việc của gói thầu số 19 là 1.725.705.000 đồng.

Ngày 20/6/2014, Nguyên đơn và Bị đơn đã ký Biên bản nghiệm thu về việc hoàn thành thi công gói thầu số 20. Theo đó, các bên xác nhận nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công phần ngầm bao gồm phần công việc của Liên danh nhà thầu đã hoàn thiện cho Nhà thầu thi công gói số 19.

Sau đó, theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 22.1 của Hợp Đồng và Phụ lục 08, Nguyên Đơn đã đệ trình bộ hồ sơ quyết toán cũng như đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu, nhắc nhở nhiều lần, để Bị Đơn xem xét, thống nhất và xác nhận hồ sơ quyết toán A-B, cũng như thực hiện thanh toán lần thứ 7 và hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán Gói thầu số 20. Tuy nhiên, Bị Đơn đã viện nhiều lý do trì hoãn và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần thứ 7 cho nguyên đơn.

Qua quá trình rà soát khối lượng công việc trên thực tế cũng như tính toán lại về đơn giá phù hợp với quy định tại Điều 9 [Điều chỉnh giá hợp đồng] của Hợp Đồng, tổng giá trị các phần công việc thuộc phạm vi Hợp Đồng và các phụ lục của Hợp Đồng cũng như các khoản giá trị tăng, giảm như sau:

(i) Khối lượng công việc thực tế cũng như đơn giá nguyên vật liệu đã có sự thay đổi so với dự toán ban đầu, khiến giá trị khối lượng công việc theo Hợp Đồng và các Phụ lục của Hợp Đồng thay đổi từ 166.602.066.000 đồng thành 169.614.591.431đồng.

(ii) Giá trị phần khối lượng phát sinh tăng ngoài Hợp Đồng: 10.284.662.178đồng.

(iii) Giá trị bù giá nhân công theo đơn giá điều chỉnh: 14.746.803.654 đồng.

(iv) Giá trị khối lượng vượt quá 120% khối lượng công việc tương ứng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: 86.752.450 đồng.

Về giá trị Hợp Đồng, Công ty X đã thanh toán cho Liên danh Công ty P & Công ty H, trên cơ sở tổng hợp các chứng từ thanh toán, trên thực tế, tính đến thời điểm 17/2/2014 là 140.821.799.310 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).

Nay Liên danh Công ty P & Công ty H yêu cầu Tòa án buộc Tổng công ty X phải thanh toán theo nghĩa vụ trong quan hệ hợp đồng giữa hai bên bao gồm:

(i) Giá trị theo Hợp Đồng 20 (Bao gồm: Phần giá trị còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng 20 và phụ lục; Giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, Giá trị bù giá nhân công do Hợp đồng là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, Giá trị khối lượng vượt quá 120% giá theo đơn giá điều chỉnh).

STT	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1	Giá trị khối lượng theo Hợp đồng, Phụ lục HĐ (1)	169.614.591.431

2	Giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (2)	10.284.662.178
3	Giá trị bù giá nhân công theo đơn giá điều chỉnh (3)	14.746.803.654
4	Giá trị KL vượt 120% theo đơn giá điều chỉnh (4)	86.752.450
5	Tổng giá trị (5) = (1) + (2) + (3) + (4)	194.732.809.713
6	Giá trị Hợp đồng đã thanh toán (6)	140.821.799.310
Tổng giá trị còn lại phải thanh toán (7) = (5) – (6)		**53.911.010.403**

(ii) Giá trị cho phần công việc thuộc Gói thầu số 19 do Nhà thầu Gói thầu số 20 thực hiện là **1.725.705.000VNĐ** (*Một tỷ, bảy trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm linh năm Việt Nam Đồng)*.

(iii) Lãi chậm thanh toán khoản nợ còn lại của Gói thầu số 20 và giá trị cho phần công việc thuộc Gói thầu số 19 do Nhà thầu gói thầu số 20 thực hiện tạm tính đến ngày 01/10/2021 là: 32.129.378.754đồng.

Bị đơn Tổng Công ty X - nay là Tổng Công ty X (sau đây gọi tắt là Công ty X) trình bày:

Tổng Công ty X (gọi tắt là "Công ty X") xác nhận ngày 06/4/2012, Tổng Công ty X và Liên danh Công ty P & Công ty H (gọi tắt là "Liên danh nhà thầu) có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012 về việc thi công xây dựng công trình, thuộc gói thầu số 20: "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0,000M" thuộc dự án: Trung tâm điều hành và giao dịch V và 06 phụ lục hợp đồng kèm theo; Tổng giá trị hợp đồng là 166.602.066.000 đồng; loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh (đã bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Liên danh nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật; Thời gian Liên danh nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc của hợp đồng là 235 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.

Ngày 28/4/2012, Công ty X bàn giao mặt bằng thi công cho Liên danh nhà thầu.

Ngày 04/6/2012, Công ty X và Liên danh nhà thầu ký phụ lục số 07 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012; Với nội dung điều chỉnh, bổ sung khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng. Theo đó, "Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng và bàn giao hạng mục công trình gói thầu số 20: Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0,000M, thuộc dự án: Trung tâm điều hành và giao dịch V vào ngày 15/7/2013".

Ngày 19/8/2014, Công ty X và Liên danh nhà thầu ký Phụ lục số 08 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0518/2012/HĐKT-XMVN; Với nội dung điều chỉnh Mục a khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng. Theo đó, tổng số lần thanh toán là 08 (tám) lần.

Ngày 30/3/2015, Công ty X và Liên danh nhà thầu ký Phụ lục số 09 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0518/2012/HĐKT-XMVN; Với nội dung bổ sung thêm nội dung Điều 1 – Phạm vi công việc thực hiện hợp đồng – Phụ lục 05. Kỹ thuật 8 – Giá

hợp đồng, tạm ứng và thanh toán. Giá trị phần công việc nêu tại Phục lục 09 này là 51.401.000 đồng (đã bao gồm VAT)

Ngày 20/6/2014, Công ty X và Liên danh nhà thầu ký biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu thi công số 20.

Ngày 12/7/2015, Công ty X và Liên danh nhà thầu ký nghiệm thu công việc của Phụ lục số 09.

Việc thực hiện thanh toán, quyết toán gói thầu số 20: Tính đến nay, Công ty X đã thanh toán 06 lần cho Liên danh nhà thầu theo đúng quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140.821.799.310 đồng. Các lần thanh toán còn lại, Công ty X chỉ có thể thanh toán cho Liên danh nhà thầu khi có đủ điều kiện thanh toán như quy định tại Điều 1 Phục lục 08 của Hợp đồng.

Sau khi gói thầu được nghiệm thu, ngày 29/9/2016 Liên danh nhà thầu đã gửi đến Công ty X bộ hồ sơ đề nghị quyết toán gói thầu số 20, Công ty X cùng Liên danh nhà thầu thực hiện việc kiểm tra rà soát, phát hiện bộ hồ sơ quyết toán gói thầu số 20 còn nhiều sai sót. Tại biên bản phiên họp ngày 25/7/2017, Liên danh nhà thầu báo cáo đến nay đã hoàn thành rà soát, thống nhất khoảng 70% phạm vi khối lượng quyết toán theo Hợp đồng và đề xuất dự kiến hoàn thành 100% khối lượng sau 02 tuần (trước ngày 09/8/2017). Tuy vậy, cũng từ thời điểm ngày 25/7/2017, Liên danh nhà thầu đã dừng toàn bộ việc rà soát, bổ sung hoàn thiện bộ hồ sơ quyết toán gói thầu số 20. Ngày 16/4/2018, Liên danh nhà thầu có văn bản số 001/2018/POS/LET/PM-V gửi Công ty X với nội dung: "Quá trình làm việc để hoàn thành hồ sơ quyết toán dự án, Nhà thầu và Ban quản lý dự án đã hợp tác tối đa để hoàn thiện hồ sơ, nhưng đến thời điểm này vẫn còn nhiều điểm chưa thống nhất được nên việc hoàn thành đầy đủ hồ sơ quyết toán và đệ trình chủ đầu tư không thể hoàn tất trong ngày 20/4/2018 theo yêu cầu như trên". Cũng tại văn bản này, Liên danh nhà thầu đề nghị Công ty X xác nhận quyết toán gói thầu với tổng giá trị là 190.657.667.771 đồng theo hồ sơ số 026/2016/V/PC-PH v/v đệ trình hồ sơ giá trị quyết toán ngày 18/8/2016. Công ty X cho rằng việc Liên danh nhà thầu chưa hoàn tất hồ sơ quyết toán nhưng vẫn yêu cầu Công ty X xác nhận quyết toán gói thầu với giá trị là 190.657.667.771 đồng là không có cơ sở để Công ty X thực hiện. Vì vậy, Công ty X không thể xác nhận giá trị quyết toán gói thầu khi hồ sơ quyết toán chưa hoàn tất theo đúng quy định.

Ngày 18/4/2018, Liên danh nhà thầu có văn bản số 002/2018/POS/LET/PM-V với nội dung từ chối tham dự buổi làm việc cùng Công ty X để giải quyết các công việc tồn tại của gói thầu số 20.

*Đối với gói thầu số 19 – Thi công tường vây và cọc khoan nhồi thuộc dự án Trung tâm điều hành và giao dịch V.

Ngày 06/5/2011, Công ty X ký Hợp đồng số 99/HĐTCXD/2021/E-V với Công ty E để thi công Gói thầu số 19. Đối với phần công việc thuộc gói thầu số 19, ngoài Công ty E, Công ty X không ký bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận nào với các nhà thầu hoặc thầu phụ nào khác.

Ngày 05/02/2013, Công ty X và Công ty E ký phụ lục số 07 kèm theo Hợp đồng số 99/HĐTCXD/2021/E-V. Tại Điều 2 của Phụ lục này, giữa Công ty X và Công ty E đã

thỏa thuận, Công ty X sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ (Liên danh nhà thầu) trên cơ sở hợp đồng thầu phụ và theo văn bản đề nghị của Công ty E.

Thực tế, Công ty X xác nhận Liên danh nhà thầu có thực hiện một phần công việc của gói thầu số 19. Sau khi gói thầu số 19 được nghiệm thu, Công ty X đã nhiều lần có văn bản đề nghị Liên danh nhà thầu và Công ty E phối hợp cùng nhau làm các hồ sơ thủ tục thanh toán để Công ty X có cơ sở thanh toán cho nhà thầu phụ (Liên danh nhà thầu) theo đúng quy định tại Phụ lục số 07 kèm theo Hợp đồng số 99/HĐTCXD/2021/E-V ngày 06/5/2011. Tuy nhiên đến nay Công ty X vẫn chưa nhận được hồ sơ thanh toán phần công việc gói thầu số 19 do nhà thầu số 20 thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 07 kèm theo Hợp đồng số 99/HĐTCXD/2021/E-V ngày 06/5/2011 nên không có cơ sở để thanh toán.

***Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty X có ý kiến như sau:**

(1) Yêu cầu buộc Công ty X phải thanh toán cho Liên danh nhà thầu khoản tiền 53.911.010.403 đồng của gói thầu số 20 là không có cơ sở bởi các lý do sau:

- Thứ nhất, Bộ hồ sơ quyết toán do Liên danh nhà thầu gửi đến Công ty X ngày 29/9/2016 chưa đủ cơ sở để Công ty X thực hiện thanh quyết toán với loại hợp đồng đơn giá điều chỉnh theo quy định Hợp đồng và Điều 1 Phục lục số 8 mà các bên đã ký ngày 19/8/2014.

- Thứ hai, Kết quả kiểm tra ngày 25/7/2017 đã xác định hồ sơ đề nghị quyết toán gói thầu số 20 mới chỉ hoàn thiện được 70%. Kể từ thời điểm ngày 25/7/2017, phía Liên danh nhà thầu không hợp tác với Công ty X để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu số 20 như nội dung Liên danh nhà thầu đã cam kết.

Xuất phát từ việc Liên danh nhà thầu chưa bổ sung hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu số 20 như đã cam kết với Công ty X. Do vậy, Công ty X không có cơ sở để xác nhận giá trị quyết toán với Liên danh nhà thầu, Công ty X cũng không có hồ sơ quyết toán gửi đơn vị kiểm toán. Theo đó, đơn vị kiểm toán chưa có báo cáo kết quả kiểm toán đối với hồ sơ quyết toán gói thầu số 20. Vì vậy, đến nay Công ty X chưa có cơ sở để xác định giá trị thanh toán lần thứ 7 cho Liên danh nhà thầu, đồng thời Công ty X cũng chưa thể quyết toán toàn bộ gói thầu số 20 với Liên danh nhà thầu.

(2) Đối với yêu cầu buộc Công ty X phải thanh toán cho Liên danh nhà thầu phần công việc thuộc gói thầu số 19 do Nhà thầu gói thầu số 20 thực hiện với số tiền là 1.725.705.000 đồng.

Công ty X xác nhận Liên danh nhà thầu có thực hiện một phần công việc của gói thầu số 19. Tuy nhiên, đến nay, Công ty X chưa nhận được bộ hồ sơ thanh toán phần công việc gói thầu số 19 do nhà thầu số 20 thực hiện theo quy định tại mục 7.7 Điều 2 Phụ lục 07.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía Công ty E cũng khẳng định giữa Liên danh nhà thầu và Công ty E chưa ký kết và xác nhận với nhau về khối lượng thanh toán nên việc thanh toán chưa hoàn thành. Khối lượng và giá trị quyết toán phải được các bên ký nhận, đến thời điểm này chưa thể thanh toán được.

(3) Đối với yêu cầu buộc Công ty X phải thanh toán cho Liên danh nhà thầu khoản lãi chậm thanh toán là 21.627.615.203 đồng.

Do lỗi chậm thanh toán xuất phát từ lỗi của Liên danh nhà thầu trong việc chưa bổ sung hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu số 20. Do đó, đến thời điểm hiện tại các bên chưa có căn cứ để xác định giá trị quyết toán gói thầu, nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty X đối với gói thầu số 20 cho Liên danh nhà thầu. Vì vậy, Công ty X không có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả như yêu cầu của nguyên đơn.

*Yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Buộc Liên danh Công ty P và Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng công ty X số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là: 7.993.718.868 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng). Trường hợp, khi có đủ hồ sơ để Tổng công ty X tiếp tục thanh quyết toán gói thầu số 20 với Liên danh Công ty P và Công ty H thì số tiền phạt chậm tiến độ được sử dụng để đối trừ nghĩa vụ khi thanh quyết toán gói thầu số 20.

- Buộc Liên danh Công ty P và Công ty H có nghĩa vụ chi trả các chi phí phát sinh về tư vấn giám sát đối với gói thầu số 20 (nếu có).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty B (gọi tắt là Công ty B) trình bày:

Ngày 20/5/2011, Công ty B có ký kết hợp đồng tư vấn giám sát thi công với Tổng Công ty X đối với dự án điều hành và giao dịch V với thời hạn 3 năm, kể từ ngày ký. Hiện nay Công ty B đã ngừng triển khai công tác tư vấn giám sát cho dự án trên từ rất lâu và hai bên vẫn chưa thống nhất được các giá trị còn lại và giá trị phải thanh toán giữa Công ty X và Công ty B.

Các hồ sơ thanh toán liên quan đến nhiệm vụ và nghĩa vụ của tư vấn giám sát theo nghĩa vụ của Hợp đồng đã không được các nhà thầu trong đó có Công ty P hoàn tất đúng thời gian.

Vì đã hết hạn Hợp đồng giữa Công ty X và Công ty B nên Công ty B không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo điều khoản hợp đồng ban đầu vì các điều kiện bất khả kháng như trên, Công ty B chỉ được phép thực hiện tiếp nghĩa vụ khi các điều khoản và nghĩa vụ của Hợp đồng được khai thông và đảm bảo chi phí phát sinh cho các công tác liên quan để hoàn tất hồ sơ theo yêu cầu của Công ty X (trong trường hợp Công ty X đồng ý yêu cầu Công ty B thực hiện). Việc này lý giải cho việc Công ty B chưa thể triển khai các công việc cho hồ sơ quyết toán liên quan.

Về việc Liên danh nhà thầu khởi kiện Tổng công ty X, Công ty B không có ý kiến gì. Các hồ sơ Công ty B nhận được từ đơn phương Công ty P gửi, Công ty B chưa có nghĩa vụ phải xác nhận theo các điều kiện Hợp đồng đã hết hạn với Công ty X.

2. Công ty E trình bày:

Công ty E ký hợp đồng duy nhất với Tổng công ty X - nay là Tổng Công ty X để thực hiện thi công gói thầu 19. Công ty E không liên quan đến bất kỳ một khoản nào đối với Công ty P. Trong phụ lục khẳng định bên Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho Công ty P. Công ty E xác nhận các bên có khiếm khuyết về việc kí kết hợp đồng, Công ty P có thực hiện khối lượng của gói thầu 19 nhưng việc thực hiện quyết toán chưa thực hiện xong, nên chưa thể thanh toán được. Công ty P và Công ty E chưa kí kết và xác nhận với

nhau về khối lượng thanh toán nên việc thanh quyết toán chưa hoàn thành. Khối lượng và giá trị quyết toán phải được 3 bên ký nhận, đến thời điểm này chưa thể thanh toán được.

Tại Bản án Kinh doanh Thương mại sơ thẩm số 90/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Liên danh Công ty P & Công ty H đối với Tổng Công ty X.

- Buộc Tổng Công ty X phải thanh toán trả cho Liên danh Công ty P & Công ty H số tiền là: 51.961.995.098 đồng.

- Bác các yêu cầu khác của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên: Ngày 12/12/2019: Nguyên đơn và bị đơn đã kháng cáo một phần nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 203/2020/KDTM-PT ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Hủy bản án sơ thẩm số 90/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý và giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2021, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã thụ lý vụ án trên.

Ngày 28/4/2021, Tổng Công ty X đã gửi Đơn yêu cầu phản tố đến Tòa án nhân dân quận Đống Đa để bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Nguyên đơn bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bởi các lý do dẫn đến việc nguyên đơn thi công chậm tiến độ là do lỗi của bị đơn và các nguyên nhân khách quan khác. Đối với yêu cầu buộc nguyên đơn thanh toán phần chi phí tư vấn giám sát phát sinh (nếu có), nguyên đơn cho rằng đây là nghĩa vụ của bị đơn và thực tế phần chi phí này chưa phát sinh nên bị đơn không có quyền yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại.

Ý kiến của Bị đơn bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các lý do sau:

- Đối với yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản tiền 53.911.010.403 đồng của gói thầu số 20, bị đơn cho rằng yêu cầu này không có cơ sở vì điều kiện để thanh toán lần thứ 7 theo quy định của hợp đồng và các phụ lục đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn chưa thỏa mãn nên chưa đủ cơ sở để nguyên đơn thanh toán cho bị đơn. Việc liên danh nhà thầu không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ kiểm tra rà soát và bổ sung hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu số 20 là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc hồ sơ quyết toán khối lượng A-B của gói thầu số 20 đến nay chưa được các bên thống nhất nên hồ sơ quyết toán chưa đủ điều kiện để Công ty X thực hiện thanh toán lần thứ 7 cho liên danh nhà thầu. Khi chưa đủ điều kiện để thanh toán lần 7 thì Công ty X cũng không thể thực hiện thanh toán lần thứ 8 cho liên danh nhà thầu theo quy định tại điều 1 phụ lục 08 của hợp đồng.

- Đối với yêu cầu thanh toán phần công việc gói thầu số 19: Đến nay Công ty X chưa nhận được bộ hồ sơ thanh toán phần công việc gói thầu số 19 do liên danh nhà thầu

gói thầu số 20 thực hiện như quy định tại mục 7.7 Điều 2 phụ lục 07 của Hợp đồng ký kết giữa Công ty X và Công ty E nên yêu cầu này của nguyên đơn là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu thanh toán khoản lãi chậm thanh toán: Bị đơn cho rằng do nghĩa vụ thanh toán của bị đơn chưa phát sinh nên cũng không phát sinh nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả của bị đơn.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm (lần 2) số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 của Toà án nhân dân quận Đống Đa đã quyết định

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Liên danh Công ty P & Công ty H đối với Tổng Công ty X.

- Buộc Tổng Công ty X phải thanh toán trả cho Liên danh Công ty P & Công ty H số tiền là: 53.911.010.403 (Năm mươi ba tỷ chín trăm mười một triệu không trăm mười nghìn bốn trăm linh ba) đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 29/11/2021 là: 27.550.922.358 (Hai mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi triệu chín trăm hai mươi hai nghìn ba trăm năm mươi tám) đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Tổng Công ty X đối với Liên danh Công ty P & Công ty H.

- Buộc Liên danh Công ty P & Công ty H phải thanh toán trả cho Tổng công ty X số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là: 7.993.718.868 (Bảy tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bảy trăm mười tám nghìn tám trăm sáu mươi tám) đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 10/12/2021, Công ty X có đơn kháng cáo đề nghị HĐXX:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn tiếp tục thanh toán số tiền là: 53.911.010.403 đồng bởi bị đơn đã thanh toán đủ 6 đợt với số tiền là 140.821.799.310 đồng đúng như quy định tại điều 8 của Hợp đồng và điều 1 phụ lục HĐ số 01. Hồ sơ thanh toán đợt thứ 7 chưa được nguyên đơn hoàn thiện theo quy định tại điều 1 của phụ lục 08 nên chưa đủ điều kiện thanh toán đợt 7 là do lỗi của nguyên đơn.

- Khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 27.550.922.358 đồng. Do hồ sơ thanh toán đợt thứ 7 chưa đủ điều kiện thanh toán nên chưa phát sinh nghĩa vụ. Do đó không phát sinh khoản tiền lãi chậm thanh toán.

- Nguyên đơn phải thực hiện việc chi trả chi phí phát sinh về tư vấn giám sát (nếu có) bởi đây là hậu quả thiệt hại do lỗi của nguyên đơn gây ra.

Ngày 13/12/2021 Nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung:

- Khoản tiền lãi chậm trả án sơ thẩm chấp nhận tính từ ngày 1/1/2017 là không đúng.Ngày 18/8/2016 nguyên đơn đã nhận được hồ sơ giá trị quyết toán A-B của toàn bộ gói thầu. Căn cứ điểm b, c điều 8.4 của HĐ bị đơn phải thanh toán trong vòng 15 ngày. Do đó số tiền lãi chậm thanh toán phải được tính kể từ thời điểm sau 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Phần phát sinh của gói thầu số 19 là 1.725.705.000 đồng. Công ty X và Công ty E đều đồng ý giá trị nguyên đơn thực hiện. Do đó Công ty X và Công ty E phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền này.

- Đối với phạt chậm tiến độ: Công trình chậm tiến độ do nguyên nhân khách quan và lỗi của Chủ đầu tư và các nhà thầu khác. Bảng tiến độ chưa có thoả thuận chi tiết về từng phần công việc cụ thể nên bị đơn căn cứ phụ lục 05 của hợp đồng 0518 là không có cơ sở áp dụng.

Tại phiên toà: Nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo khoản tiền lãi chậm thanh toán và đề nghị HĐXX xem xét Giấy uỷ quyền số 1615 của Công ty X. Ông Phó Tổng giám đốc ký đơn kháng cáo không nằm trong nội dung uỷ quyền của Tổng Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm:

1. Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 49.835.868.055 đồng. Toà án sơ thẩm chấp nhận 53.911.010.403 đồng trong khi nguyên đơn không có đơn khởi kiện bổ sung là tuỳ tiện.

2. Nguyên đơn đưa ra con số quyết toán và giá trị thanh toán trên thực tế có hạng mục không thực hiện, có hạng mục giảm so với dự toán ban đầu nhưng lại đề nghị thanh toán tăng hơn 03 tỷ so với dự toán ban đầu là không có cơ sở.

3. Hồ sơ thanh toán lần thứ 7 phải được 02 bên thống nhất, không bắt buộc phải có chữ ký của các thành phần khác nhưng hồ sơ quyết toán A-B chưa được Công ty X xác nhận bởi do phía nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ rà soát để đi đến thống nhất. Nguyên đơn và bị đơn mới rà soát được 70% giá trị. Còn lại 30% chưa được rà soát. Sau ngày 25/7/2017, Công ty X đã nhiều lần gửi văn bản đôn đốc Liên danh nhà thầu cử cán bộ cùng Công ty X kiểm tra, rà soát hồ sơ nhưng nguyên đơn không hợp tác.

Theo quy định tại điều 29 Nghị định 12/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình thì *khối lượng thi công phải được xác nhận giữa chủ đầu tư, nhà thầu. Nghiêm cấm việc khai khống, khai tăng khối lượng.* Do đó, Công ty X phải tuân thủ việc rà soát, đối chiếu, thống nhất mới có cơ sở thanh toán.

Bộ hồ sơ quyết toán gói thầu số 20 có nhiều sai sót, mâu thuẫn chưa đủ điều kiện để Công ty X thanh toán lần thứ 7 và các bước thanh toán tiếp theo trong quy trình thanh quyết toán toàn bộ gói thầu số 20. Do vậy đến nay hồ sơ không đủ cơ sở thanh toán như yêu cầu của nguyên đơn.

4. Về khoản tiền lãi chậm thanh toán: Hồ sơ quyết toán A-B chưa thống nhất nên chưa đủ đủ điều kiện thanh toán lần thứ 7, do đó chưa phát sinh tiền lãi chậm trả.

5. Đối với nghĩa vụ chi trả khoản chi phí phát sinh về tư vấn giám sát: Nguyên đơn đã chậm nộp hồ sơ quyết toán 398 ngày là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến phát sinh chi phí tư vấn giám sát. Khoản tiền phát sinh chi phí cho tư vấn giám sát là khoản thiệt hại mà Công ty X phải gánh chịu do lỗi của nguyên đơn. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 điều 42 Nghị định số 48/2010 ngày 7/5/2010 của Chính phủ đề nghị Toà án buộc nguyên đơn phải trả chi phí này khi đơn vị tư vấn giám sát yêu cầu Công ty X phải chi trả.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn:

- Việc thanh toán phần việc của gói thầu số 19: Liên danh nhà thầu và Công ty E chưa ký xác nhận về khối lượng thanh toán nên Công ty X chưa có cơ sở để thanh toán cho nguyên đơn.

- Về phạt do chậm tiến độ: Căn cứ nội dung và thời gian của việc chậm tiến độ trên cơ sở áp dụng điều khoản phạt chậm tiến độ trong hợp đồng. Giá trị phạt chậm tiến độ của gói thầu số 20 là 7.993.718.868 đồng đã được Công ty X xác định cụ thể tại bảng xác định giá trị phạt chậm tiến độ theo hợp đồng với Liên danh nhà thầu trên cơ sở thời gian chậm tiến độ 147 ngày và các khối lượng công việc Liên danh nhà thầu thi công chậm tiến độ. Án sơ thẩm đã quyết định nguyên đơn phải trả cho Công ty X số tiền này là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của nguyên đơn về người ký đơn kháng cáo của Công ty X: Tại giấy uỷ quyền số 1615 Tổng giám đốc Công ty X đã uỷ quyền cho Phó Tổng giám đốc trong đó có nội dung người nhận uỷ quyền được ký các văn bản khác liên quan đến vụ án tranh chấp. Đơn kháng cáo là văn bản có liên quan đến vụ án tranh chấp nên ông Phó tổng giám đốc ký đơn kháng cáo là hợp pháp.

Đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm chưa đảm bảo theo qui định tại Điều 286 BLTTDS.

Về nội dung:

Kháng cáo của bị đơn do ông Đinh Quang D là đại diện theo ủy quyền ký. Theo Giấy ủy quyền ngày 20/7/2020 người đại diện theo pháp luật của Công ty X ủy quyền cho ông Đinh Quang D. Giấy ủy quyền không có nội dung ủy quyền ký đơn kháng cáo và đại diện tại cấp phúc thẩm do vậy xác định kháng cáo không hợp lệ theo quy định tại khoản 6 điều 272 BLTTDS nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của bị đơn.

Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút nội dung kháng cáo về tiền lãi chậm thanh toán.

Đối với việc thanh toán phần việc thi công gói thầu số 19: Công ty E ký hợp đồng thi công với Công ty X gói thầu số 19. Mặc dù thực tế nguyên đơn đã thi công xử lý một số phần việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu Công ty E trên cơ sở đồng ý của Công ty X và đến nay các bên liên quan đều xác nhận chưa có văn bản nào thống nhất xác nhận về giá trị thanh toán 1.725.705.000 đồng nên không không có sơ sở chấp nhận yêu cầu buộc Vicem phải thanh toán số tiền liên quan đến gói thầu số 19 như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

+ Đối với yêu cầu của Công ty X phạt do chậm tiến độ: 7.993.718.868 đồng.

Quá trình thi công nguyên đơn đã chậm tiến độ ở một số hạng mục. Biên bản cuộc họp ngày 18/3/2015 giữa đại diện của Công ty X và liên danh nhà thầu, các bên đã thống nhất xác nhận với nhau số ngày chậm 147 ngày do lỗi chủ quan của liên danh nhà thầu. Công ty X lập bảng kê chi tiết hạng mục chậm thi công, số ngày chậm và tỷ lệ tiền phạt phù hợp nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố là có căn cứ. Do vậy không đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về lãi chậm thanh toán.

- Án phí: nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự: Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Phiên toà được mở lần thứ hai, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Đối với phần việc thi công tại gói thầu 19 nguyên đơn yêu cầu Công ty X thanh toán: Ngày 5/2/2013, Công ty X và Công ty E ký hợp đồng thi công cho gói thầu số 19. Do Công ty E không thực hiện sửa chữa gói thầu số 19 nên Công ty X và Công ty E đồng ý để nguyên đơn thực hiện một phần công việc sửa chữa này. Tuy nhiên ý kiến của Công ty E trình bày Liên danh nhà thầu và Công ty E chưa ký kết và xác nhận với nhau về giá trị khối lượng mà nguyên đơn thực hiện nên việc quyết toán chưa hoàn thành. Do đó chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

Đối với phạt chậm tiến độ:

Ngày 28/4/2012, Công ty X bàn giao mặt bằng cho nguyên đơn. Căn cứ quy định tại điều 7 của Hợp đồng 0518/2012/HĐKT-XMVN thời gian thi công 235 ngày. Tại phụ lục số 07 ngày 4/6/2013 nguyên đơn và bị đơn thoả thuận điều chỉnh thời gian bàn giao hoàn thành gói thầu 20 vào ngày 15/7/2013. Ngày 13/12/2013 nguyên đơn mới bàn giao các hạng mục gói thầu số 20 cho bị đơn. Như vậy bị chậm 151 ngày.

Theo Biên bản giám sát của Công ty B, tổng số ngày chậm so với tiến độ là 359 ngày, trong đó số ngày bị trễ do yếu tố khách quan là 199 ngày, số ngày trễ của nhà thầu là 160 ngày. Tại biên bản cuộc họp ngày 18/3/2015 giữa đại diện của Công ty X và Liên danh nhà thầu, các bên đã thống nhất xác nhận số ngày bị trễ là 147 ngày do lỗi chủ quan của Liên danh nhà thầu.

Theo quy định tại Điều 20 Hợp đồng số 0518/2012/HĐKT-XMVN quy định về phạt vi phạm hợp đồng:

- Trong hai tuần đầu tiên: Mức phạt 2% giá trị hợp đồng phần bị chậm cho đủ 7 ngày bị chậm.

- Trong các tuần tiếp theo: Mức phạt 3% giá trị hợp đồng phần bị chậm cho đủ 07 ngày bị chậm.

Bảng diễn giải giá trị phạt chậm tiến độ do Công ty X cung cấp tại Quyển 2 (Hồ sơ xác định giá trị phạt chậm tiến độ) có liệt kê nội dung công việc, khối lượng công việc bị chậm như Công tác đất, phá dỡ bê tông tường dẫn, tường vây và đập đầu cọc, xây dựng kết cấu hầm. Bảng thống kê chi tiết xác định tổng giá trị phạt chậm tiến độ là 7.993.718.867 đồng. Xét thấy, Công ty X đã xác định mức phạt vi phạm hợp đồng theo đúng Hợp đồng đã ký giữa các bên nên kháng cáo này của nguyên đơn không được chấp nhận.

Khoản tiền lãi chậm thanh toán: Tại phiên toà nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo này nên căn cứ khoản 3 điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo đã rút.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn:

Ngày 10/12/2021, Công ty X do ông Đinh Quang D –Phó Tổng Giám đốc ký đơn kháng cáo bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tại Giấy uỷ quyền số 1615/UQ-V ngày 20/7/2020 (tại giai đoạn phúc thẩm lần 1) ông Lê Nam K – Tổng giám đốc uỷ quyền cho ông Đinh Quang D – Phó Tổng Giám đốc với nội dung*: Người nhận uỷ quyền được thực hiện công việc ký hồ sơ, tài liệu, văn bản khác liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.00m" thuộc dự án Trung tâm điều hành & Giao dịch V.*

Giấy uỷ quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến khi kết thúc vụ án.

Theo quy định tại khoản 6 điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Trong văn bản uỷ quyền phải có nội dung đương sự uỷ quyền cho người đại diện theo uỷ quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm.*

Tại phiên toà, những người tham gia tố tụng của Công ty X xác nhận ông Đinh Quang D ký đơn kháng cáo trên cơ sở Giấy uỷ quyền số 1615/UQ-V ngày 20/7/2020. Tuy nhiên trong Giấy uỷ quyền này không ghi cụ thể ông Dũng được ký đơn kháng cáo.

Như vậy Giấy uỷ quyền số 1615/UQ-V ngày 20/7/2020 không có nội dung người nhận uỷ quyền được kháng cáo bản án sơ thẩm nên đơn kháng cáo ngày 10/12/2021 của Công ty X do ông Phó Tổng Giám đốc ký là không hợp lệ theo quy định tại khoản 6 điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được chấp nhận để xem xét. Căn cứ điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn do người ký đơn kháng cáo không có quyền kháng cáo.

Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bị đơn không được xem xét nên được trả lại án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 289, 296, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Căn cứ Luật xây dựng năm 2003 và Luật sửa đổi bổ sung Luật xây dựng năm 2009

Căn cứ Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010 của Chính phủ quy định về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty X.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Liên danh Công ty P & Công ty H về việc thanh toán phần việc thi công gói thầu số 19 và tiền phạt chậm tiến độ; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo tiền lãi chậm trả.

3. Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 của Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Liên danh Công ty P & Công ty H phải chịu 2.000.000 đồng án phí KDTM phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0069481 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Tổng công ty X không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Hoàn trả Tổng công ty X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0069487 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- VKSND quận Đống Đa;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh